

Số: 37/NQ-HĐND

*Nghệ An, ngày 16 tháng 12 năm 2016*

**NGHỊ QUYẾT  
Về kế hoạch đầu tư công năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến phân bổ kế hoạch vốn đầu tư trung hạn ngân sách nhà nước 2016 - 2020 và năm 2017;

Xét Tờ trình số 9131/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Nguồn vốn đầu tư**

1. Tổng vốn đầu tư trên địa bàn: 58.000 - 60.000 tỷ đồng. Trong đó: Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước: 5.165,524 tỷ đồng.

2. Chi tiết các nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Vốn ngân sách Trung ương: 1.868,644 tỷ đồng, bao gồm:

Vốn trong nước: 1.238,023 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 489,807 tỷ đồng (bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 234,807 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 255 tỷ đồng).

- Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu: 748,216 tỷ đồng

Vốn nước ngoài: 630,621 tỷ đồng

b) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 3.296,88 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ: 1.276,88 tỷ đồng, trong đó để lại 10% Trung ương giao tăng so với năm 2016 để trả nợ vay là 116,08 tỷ đồng.

- Thu sử dụng đất: 2.000 tỷ đồng (Trung ương giao 1.000 tỷ đồng, tỉnh giao bổ sung 1.000 tỷ đồng), trong đó phần ngân sách tỉnh hưởng để bố trí giải phóng mặt bằng, trả nợ vay...: 698,675 tỷ đồng (Riêng năm 2017 phần ngân sách tỉnh hưởng không cân đối cho đầu tư tập trung để bố trí giải phóng mặt bằng); Phần ngân sách huyện, xã hưởng: 1.301,325 tỷ đồng.

- Thu xổ số kiến thiết: 20 tỷ đồng.

Tổng cộng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương đầu tư tập trung là: 1.180,8 tỷ đồng.

## **Điều 2. Nguyên tắc phân bổ**

1. Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2017 phải thực hiện theo đúng quy định của Luật đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Nghệ An và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2017 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư và thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 nhằm bảo đảm ổn định, công khai và quyền chủ động cân đối của các địa phương cấp huyện.

3. Kế hoạch đầu tư công năm 2017 phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của ngành và địa phương; phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 đã trình cấp có thẩm quyền. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2017 với việc thực hiện tái cơ cấu kinh tế và đột phá xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

4. Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 cho từng dự án phải phù hợp và không được vượt quá dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 đã trình cấp có thẩm quyền, trừ đi số vốn đã bố trí trong kế hoạch năm 2016.

5. Phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2017. Đối với các dự án đến ngày 30/9/2016 giải ngân dưới 30% chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 thì không bố trí kế hoạch 2017 để tập trung giải ngân hết chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 được kéo dài sang năm 2017 theo quy định tại Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ.

6. Trong từng ngành, lĩnh vực thực hiện việc phân bổ vốn phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 trong kế hoạch theo cơ cấu nguồn vốn đã được phê duyệt tại quyết định phê duyệt dự án, đảm bảo tỷ lệ nguồn trả nợ trên tổng nguồn đầu tư theo quy định của Trung ương. Đối với nợ đọng ngoài kế hoạch, cấp huyện, xã tự cân đối nguồn vốn ngân sách huyện, xã và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán nợ theo quy định của pháp luật;

b) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; đối ứng phần ngân sách địa phương (tỉnh) để hoàn thành các dự án sử dụng ngân sách trung ương; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

c) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; theo khả năng nguồn vốn ưu tiên bố trí theo quyết định phê duyệt đầu tư ban đầu và phân tổng mức điều chỉnh tăng do tăng giá các chế độ chính sách của nhà nước trong thời gian hợp đồng. Các dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu phải thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định tại Điều 38 của Luật đầu tư công để thực hiện. Không bố trí vốn cho dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư khi chưa được thẩm định nguồn theo quy định của Luật đầu tư công;

d) Chỉ được bố trí khởi công mới khi đã cơ cấu rõ nguồn vốn đầu tư mới, nguồn vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và nguồn vốn bố trí

hoàn thành các dự án chuyên tiếp theo đúng tiến độ phê duyệt. Các dự án khởi công mới phải thật sự cần thiết, cấp bách và đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Nằm trong quy hoạch đã được duyệt; (ii) Đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; (iii) Có quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2016; (iv) Không bố trí vốn đầu tư công cho các dự án không thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc bố trí vốn cho các dự án khởi công mới phải theo cơ cấu nguồn vốn và tổng mức đầu tư đã được quyết định tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

7. Các dự án được khởi công từ nguồn vốn nào thì phải tiếp tục cân đối cho phần còn lại từ nguồn vốn đó (theo phương án nguồn vốn và kế hoạch đầu thầu đã được phê duyệt) theo quy định để đảm bảo cân đối chung (trừ các dự án của ngành và địa phương sau khi cân đối đủ trả nợ và bố trí công trình tiếp tục trong kế hoạch đầu tư tập trung vẫn còn nguồn). Trường hợp các dự án đã được tính bố trí vốn chuẩn bị đầu tư nhưng chủ đầu tư và các cấp huyện, xã bố trí vốn để khởi công thực hiện dự án thì chủ đầu tư và huyện, xã phải chịu trách nhiệm huy động vốn để hoàn thành dự án theo phương án vốn các chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trình và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nguồn vốn được phê duyệt tại chủ trương đầu tư thay đổi lại theo nguồn vốn xác định điều kiện về vốn để khởi công dự án.

8. Không bố trí vốn kế hoạch nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác đầu tư được.

### **Điều 3. Phương án phân bổ**

1. Nguồn Ngân sách Trung ương (chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn nước ngoài):

Tổng số: 1.868,644 tỷ đồng, bao gồm:

a) Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 489,807 tỷ đồng (bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 234,807 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 255 tỷ đồng);

b) Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu: 748,216 tỷ đồng;

c) Vốn nước ngoài: 630,621 tỷ đồng

Khi có quyết định giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phân bổ chi tiết theo đúng danh mục và mức vốn được Trung ương giao.

2. Vốn cân đối ngân sách địa phương đầu tư tập trung

a) Tổng số: 1.180,8 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 1.160,8 tỷ đồng.

- Thu xổ số kiến thiết: 20 tỷ đồng;

b) Cơ cấu như sau:

- Đảm bảo đủ nguồn để bố trí cho các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh trong đó gắn trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn trong thẩm định để đảm bảo đúng đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm đầu tư dàn trải, chống thất thoát trong đầu tư;

- Ưu tiên bố trí các dự án trọng điểm bức xúc có tính đột phát trong phát triển kinh tế- xã hội đã được Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh xác định.

- Cơ cấu tăng hỗ trợ đối ứng cho các dự án ODA, đặc biệt là các dự án nhóm O không được hỗ trợ đối ứng từ ngân sách trung ương.

- Cơ cấu cho lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và dạy nghề, Khoa học công nghệ để đảm bảo cơ cấu của Trung ương;

- Cơ cấu vốn đối ứng ngân sách địa phương cho các dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia để hoàn thành các dự án đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả theo quy định của Trung ương.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

3. Vốn giải phóng mặt bằng, trả nợ vay,...

Tổng số: 814,755 tỷ đồng, trong đó:

Trích từ nguồn thu sử dụng đất: 698,675 tỷ đồng

Trích từ nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 116,08 tỷ đồng.

*(Giao chi tiết trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2017)*

4. Phân phân cấp ngân sách huyện, xã trực tiếp phân bổ từ nguồn thu sử dụng đất.

Tổng số: 1.301,325 tỷ đồng. Trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ cấu cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo và khoa học - công nghệ đảm bảo tỷ lệ và cơ cấu trung ương giao.

#### **Điều 4. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công 2017**

1. Đẩy nhanh việc thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm các khoản chi thường xuyên để tăng tỷ trọng cho đầu tư phát triển.

2. Tập trung cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng cường quản lý nợ công. Cải thiện cân đối ngân sách nhà nước, từng bước tăng tích lũy cho đầu tư phát triển và trả nợ vay. Phấn đấu vượt thu (nếu có) để trả nợ bội chi ngân sách, không bố trí nội dung chi mới ngoài dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt. Thực hiện nghiêm nguyên tắc vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên; Bội chi

ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo đúng quy định của tại khoản 5 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước; Thực hiện nguyên tắc vay và trả nợ vay, đặc biệt là vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 63 Luật đầu tư công, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 7 của Luật ngân sách nhà nước. Định hướng cơ cấu lại các khoản vay, ưu tiên vay dài hạn để giảm áp lực trả nợ ngắn hạn và chi phí vay vốn nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay đầu tư.

3. Tăng cường kiểm soát chi ngân sách theo hướng phù hợp với khả năng thu và trả nợ, thống nhất quy trình, tập trung đầu mỗi kiểm soát chi. Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới. Tập trung các giải pháp tăng thu ngân sách như xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, qua đó tạo động lực và cơ sở để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017 phải thực hiện nghiêm quy trình, đầu mỗi tham mưu điều chỉnh kế hoạch vốn theo quy định. Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm phải tuân thủ theo quy định của Luật đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Chỉ được xem xét điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm từ quý 3 của năm kế hoạch theo cơ chế điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không bổ sung danh mục ngoài nghị quyết này và thay đổi cơ cấu của ngành và huyện theo Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp bất khả kháng cần thay đổi, Ủy ban nhân dân tỉnh phải báo cáo giải trình rõ lý do với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đồng thời, báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp gần nhất nhưng phải tuân thủ quy trình, thủ tục và tính hiệu quả của kế hoạch.

5. Bố trí phân vốn ngân sách nhà nước và tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình, dự án cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân ở nông thôn.

6. Các ngành, các cấp chịu trách nhiệm trong việc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án nhằm khắc phục triệt để tình trạng chuẩn bị dự án sơ sài, không bảo đảm theo quy định của pháp luật, quyết định chủ trương đầu tư dàn trải, không hiệu quả, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác; chỉ quyết định chủ trương đầu tư những dự án thật sự cần thiết khi đã thẩm định, làm rõ hiệu quả của dự án, nguồn vốn, khả năng cân đối, bố trí vốn cho từng dự án, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện hoàn thành dự án.



7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn vay; xử lý nghiêm cá nhân, tập thể vi phạm pháp luật về đầu tư công đã được Quốc hội, Chính phủ và các cấp có thẩm quyền quyết định.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Căn cứ vào danh mục và mức vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết này để giao chi tiết chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2017 đúng và kịp thời;

b) Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các sở, ban, ngành, các huyện, thành, thị triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2017, tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh giám sát và động viên mọi tầng lớp Nhân dân thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày được thông qua. /.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

*(Handwritten mark)*



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Sơn**



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017 NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT       | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư                            | Kế hoạch 2017    | Ghi chú       |
|----------|---|---------------------------------------|------------------|---------------|
|          | <b>Tổng cộng</b>  |                                       | <b>1,180,800</b> |               |
|          | <b>Chuẩn bị đầu tư</b>  |                                       | <b>7,312</b>     |               |
|          | <b>Thực hiện dự án</b>  |                                       | <b>1,173,488</b> |               |
| <b>A</b> | <b>NÔNG NGHIỆP</b>  |                                       | <b>163,233</b>   |               |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |                                       | <b>143,133</b>   |               |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>  |                                       | <b>26,736</b>    |               |
| 1        | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Môn, xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn.  | UBND huyện Anh Sơn.                   | 350              | Kết thúc 2017 |
| 2        | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Khuê và Khe Muong, xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn.   | UBND xã Đức Sơn                       | 2,300            | Kết thúc 2017 |
| 3        | Sửa chữa, nâng cấp kênh N-831 và xây dựng mới kênh T6, xã Diễn Đông, huyện Diễn Châu.   | UBND xã Diễn Đông, huyện Diễn Châu.   | 1,700            | Kết thúc 2017 |
| 4        | Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Sông Mới, xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu.   | Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu       | 950              | Kết thúc 2017 |
| 5        | Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm số 1, số 2 xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu   | UBND huyện Diễn Châu                  | 1,300            | Kết thúc 2017 |
| 6        | Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Bến Lắm, Cầu Mỹ và Cồn Sim, xã Diễn An, huyện Diễn Châu   | UBND huyện Diễn Châu                  | 2,000            |               |
| 7        | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn, xã Bài Sơn, huyện Đô Lương  | UBND huyện Đô Lương                   | 2,796            | Kết thúc 2017 |
| 8        | Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu T8, xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên   | UBND xã Hưng Tân                      | 1,500            | Kết thúc 2017 |
| 9        | Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Rú Tuần, xã Nam Tân, huyện Nam Đàn  | UBND xã Nam Tân, huyện Nam Đàn        | 650              | Kết thúc 2017 |
| 10       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Rộc U, xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Đàn.   | UBND huyện Nghĩa Đàn.                 | 1,500            | Kết thúc 2017 |
| 11       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Chanh, xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn  | UBND huyện Nghĩa Đàn.                 | 1,000            |               |
| 12       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Ban, xã Đồng Hợp, huyện Quỳnh Hợp.   | UBND huyện Quỳnh Hợp.                 | 700              | Kết thúc 2017 |
| 13       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Sâu, xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu.  | UBND huyện Quỳnh Lưu.                 | 1,900            |               |
| 14       | Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm xóm 8, xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương.  | UBND xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương | 1,100            | Kết thúc 2017 |
| 15       | SC, NC đập La Ván, xã Thanh Hòa, huyện Thanh Chương   | UBND xã Thanh Hoà                     | 250              | Kết thúc 2017 |
| 16       | Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Hòa Mỹ, xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương.  | UBND huyện Thanh Chương               | 1,000            |               |
| 17       | Xây dựng khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ lũ quét và đặc biệt khó khăn xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương | UBND huyện Tương Dương                | 100              |               |
| 18       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Sung xã Nghĩa Thuận Thị xã Thái Hoà   | UBND thị xã Thái Hoà                  | 900              | Kết thúc 2017 |
| 19       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Sắn xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ  | UBND huyện Tân Kỳ                     | 1,000            |               |
| 20       | Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Hồng Sơn, xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ.   | UBND xã Tân Hợp                       | 1,000            |               |
| 21       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hồ Dừa, xã Minh Thành, huyện Yên Thành.   | UBND huyện Yên Thành                  | 1,000            |               |



| TT       | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư            | Kế hoạch 2017  | Ghi chú       |
|----------|---|-----------------------|----------------|---------------|
| 22       | SC, NC hồ chứa Khe Bai, xã Mã Thành, Yên Thành  | UBND huyện Yên Thành  | 270            | Kết thúc 2017 |
| 23       | SC, NC hồ chứa nước 3/2, xã Đồng Thành, huyện Yên Thành   | UBND huyện Yên Thành  | 500            | Kết thúc 2017 |
| 24       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Chuối, xã Tây Thành, huyện Yên Thành.                               | UBND huyện Yên Thành. | 970            | Kết thúc 2017 |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |                       | <b>116,397</b> |               |
| 1        | Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Khe Tran và hệ thống kênh tưới, xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn                   | UBND huyện Anh Sơn    | 1,500          |               |
| 2        | Sửa chữa, Nâng cấp Trạm bơm xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn.  | UBND huyện Anh Sơn    | 1,500          |               |
| 3        | Sửa chữa, nâng cấp đập tràn Khe Sừng, xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn   | UBND huyện Anh Sơn    | 1,500          |               |
| 4        | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Hiềng, xã Châu Khê, huyện Con Cuông                                 | UBND huyện Con Cuông  | 1,500          |               |
| 5        | Xây dựng Hệ thống điện phục vụ bơm nước tưới cho khu vực trồng cam tại xã Yên Khê, huyện Con Cuông      | UBND huyện Con Cuông  | 1,500          |               |
| 6        | Xây dựng đập dâng Phai Hịa, xã Lục Dạ, huyện Con Cuông  | UBND huyện Con Cuông  | 2,500          |               |
| 7        | Xây dựng đập dâng nước bản Bạch Sơn, xã Cam Lâm, huyện Con Cuông  | UBND huyện Con Cuông  | 1,147          | Kết thúc 2017 |
| 8        | Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Ao Bù, xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu   | UBND xã Diễn Thọ      | 1,000          |               |
| 9        | Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Ngọc Thành, xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu                         | UBND xã Diễn Minh     | 1,000          |               |
| 10       | Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Bàu, xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu   | UBND huyện Diễn Châu  | 1,800          |               |
| 11       | Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm số 02, xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu.                                       | UBND xã Diễn Tháp     | 1,100          |               |
| 12       | Sửa chữa, nâng cấp các tuyến kênh vùng muối Vạn Nam, xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu                       | UBND huyện Diễn Châu  | 2,000          |               |
| 13       | Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu.                                   | UBND xã Diễn Minh     | 2,000          |               |
| 14       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Gáo và Khe Rọ, xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu.                        | UBND huyện Diễn Châu  | 2,000          |               |
| 15       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trọt Lụy, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương                                   | UBND huyện Đô Lương   | 1,450          | Kết thúc 2017 |
| 16       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Và, xã Thuận Sơn, huyện Đô Lương.                                   | UBND huyện Đô Lương   | 1,500          | Kết thúc 2017 |
| 17       | Sửa chữa, nâng cấp đập dâng và trạm bơm Phú Cường, xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương                          | UBND huyện Đô Lương   | 1,000          |               |
| 18       | Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Động Trếch, xã Bắc Sơn, huyện Đô Lương.                                     | UBND xã Bắc Sơn       | 1,000          |               |
| 19       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Nại, xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương.                                     | UBND huyện Đô Lương.  | 2,000          |               |
| 20       | Sửa chữa, nâng cấp kênh tiêu liên xã từ Cầu Tiên (Thị Trấn) đến Rào Gang (xã Nhân Sơn), huyện Đô Lương. | UBND huyện Đô Lương   | 2,000          |               |
| 21       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Tích Tích, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương                                | UBND huyện Đô Lương   | 2,000          |               |
| 22       | Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương   | UBND huyện Đô Lương   | 1,000          |               |
| 23       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Chợ Mái, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương                                     | UBND huyện Đô Lương   | 1,000          |               |

| TT | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư                       | Kế hoạch 2017 | Ghi chú       |
|----|---|----------------------------------|---------------|---------------|
| 24 | Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tưới xã Tân Sơn, huyện Đô Lương  | UBND huyện Đô Lương              | 1,500         |               |
| 25 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Cày, xã Lam Sơn, huyện Đô Lương  | UBND huyện Đô Lương              | 1,000         |               |
| 26 | Xây dựng trạm bơm Cồn Rỏi xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương   | UBND xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương | 1,000         |               |
| 27 | Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh N24, xã Hưng Yên Bắc, huyện Hưng Nguyên   | UBND xã Hưng Yên Bắc             | 1,000         |               |
| 28 | Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đê kênh Tháp, huyện Hưng Nguyên (Hạng mục: Xây dựng cầu Đền bắc qua kênh Tháp, huyện Hưng Nguyên)                         | UBND huyện Hưng Nguyên           | 4,000         |               |
| 29 | Hệ thống cấp nước xã Hưng Thông   | UBND huyện Hưng Nguyên           | 1,000         |               |
| 30 | Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Lò Ngói, xã Nam Thái, huyện Nam Đàn.  | UBND xã Nam Thái, huyện Nam Đàn. | 1,700         | Kết thúc 2017 |
| 31 | Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Ba Cồn, xã Vân Diên, huyện Nam Đàn  | UBND xã Vân Diên                 | 1,000         |               |
| 32 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Đình, xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn  | UBND huyện Nam Đàn               | 2,000         |               |
| 33 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Hàn, xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn   | UBND huyện Nam Đàn               | 1,500         |               |
| 34 | Xây dựng trạm bơm xóm Hồng Đức, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn;   | UBND huyện Nghĩa Đàn             | 900           | Kết thúc 2017 |
| 35 | Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Khe Yêu, xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Đàn   | UBND huyện Nghĩa Đàn.            | 1,000         |               |
| 36 | Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn  | UBND huyện Nghĩa Đàn             | 1,500         |               |
| 37 | Xây dựng trạm bơm Ba Cây, xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc.  | UBND xã Nghi Lâm.                | 1,300         |               |
| 38 | Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Cồn Trường, xã Nghi Công Nam, huyện Nghi Lộc  | UBND xã Nghi Công Nam            | 1,300         |               |
| 39 | Nâng cấp hệ thống kênh tưới xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc   | UBND huyện Nghi Lộc              | 1,600         | Kết thúc 2017 |
| 40 | Xây dựng trạm bơm số 02, xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc.  | UBND xã Nghi Thái                | 1,500         |               |
| 41 | Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Trường Xuân, xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc   | UBND xã Nghi Mỹ                  | 1,400         |               |
| 42 | Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh mương loại III của các hồ đập và trạm bơm huyện Nghi lộc   | UBND huyện Nghi Lộc              | 2,500         |               |
| 43 | Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tiêu nội đồng xã Nghi Khánh, huyện Nghi Lộc  | UBND xã Nghi Khánh               | 1,200         | Kết thúc 2017 |
| 44 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Bai, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp.  | UBND huyện Quỳnh Hợp.            | 1,000         |               |
| 45 | Xây dựng kè tuyến đê và kè bờ Tả suối Nậm Tôn, đoạn qua thị trấn Quỳnh Hợp và xã Châu Quang; Kè bờ Tả sông Dinh, đoạn qua xã Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp | UBND huyện Quỳnh Hợp             | 1,000         |               |
| 46 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Dừa, xã Đồng Hợp, huyện Quỳnh Hợp   | UBND huyện Quỳnh Hợp             | 1,800         | Kết thúc 2017 |
| 47 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thùng Dạ xã Quỳnh Thắng, huyện Quỳnh Lưu  | UBND huyện Quỳnh Lưu             | 1,000         |               |
| 48 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước bản Bắc Thắng, xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu.   | UBND huyện Quỳnh Lưu.            | 1,000         |               |
| 49 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Mây, xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu  | UBND huyện Quỳnh Lưu             | 1,000         |               |

| TT | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư                          | Kế hoạch 2017 | Ghi chú       |
|----|--|-------------------------------------|---------------|---------------|
| 50 | Xây dựng Trạm bơm Cồn Ngang và Trạm bơm kênh N17, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu                                      | UBND xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu  | 1,000         |               |
| 51 | Nâng cấp hệ thống kênh tiêu Dầu, huyện Quỳnh Lưu.  | UBND huyện Quỳnh Lưu.               | 2,000         |               |
| 52 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hồ Trung, xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu.  | UBND huyện Quỳnh Lưu.               | 2,500         |               |
| 53 | Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu úng liên xã Quỳnh Giang - Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu                             | UBND huyện Quỳnh Lưu                | 1,500         |               |
| 54 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đông Hồng, xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu   | UBND xã Quỳnh Tam                   | 1,500         |               |
| 55 | Sửa chữa, nâng cấp đập dâng bản Tín Pú, xã Quang Phong, huyện Quế Phong.   | UBND huyện Quế Phong.               | 2,300         |               |
| 56 | Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Cồn Tra, xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương.   | UBND xã Thanh Lương                 | 1,000         |               |
| 57 | Xây dựng hồ chứa nước Khe Su, xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương.   | UBND huyện Thanh Chương             | 1,000         |               |
| 58 | Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiêu Bàu Đức Nhuận xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương                             | UBND xã Thanh Liên                  | 2,000         |               |
| 59 | Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Đò Gành, xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương.   | UBND huyện Thanh Chương             | 1,000         |               |
| 60 | Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Trảng Hàn, xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương  | UBND xã Thanh Phong                 | 2,000         |               |
| 61 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồi Thịnh, xã Đông Hiếu, Thị xã Thái Hoà.  | UBND thị xã Thái Hòa                | 2,400         | Kết thúc 2017 |
| 62 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thống Nhất, xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hoà.  | UBND thị xã Thái Hòa                | 1,200         |               |
| 63 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thung Mét, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ  | UBND huyện Tân Kỳ                   | 1,500         |               |
| 64 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước khe Ngang, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ   | UBND huyện Tân Kỳ                   | 1,000         |               |
| 65 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bãi Quyền, xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ.  | UBND huyện Tân Kỳ                   | 1,500         |               |
| 66 | Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Khe Lá, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ   | UBND huyện Tân Kỳ                   | 1,000         |               |
| 67 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Lợi, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ   | UBND huyện Tân Kỳ                   | 1,000         |               |
| 68 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hóc Choạc, xã Tiến Thành, huyện Yên Thành.   | UBND xã Tiến Thành, huyện Yên Thành | 600           | Kết thúc 2017 |
| 69 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Ký Rượu, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành  | UBND huyện Yên Thành                | 1,400         |               |
| 70 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Tàng, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành.   | UBND xã Sơn Thành                   | 1,200         |               |
| 71 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trại Xanh, xã Bắc Thành, huyện Yên Thành   | UBND huyện Yên Thành                | 2,000         |               |
| 72 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Lim, xã Đồng Thành, huyện Yên Thành.   | UBND huyện Yên Thành                | 1,400         |               |
| 73 | Nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ sông Bàu Chèn - Trung Long, đoạn từ xã Công Thành đến xã Long Thành, huyện Yên Thành | UBND huyện Yên Thành                | 1,000         |               |
| 74 | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đập Bàu, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành.   | UBND huyện Yên Thành                | 1,000         |               |
| 75 | Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Đồng Giữa và trạm bơm Thô Lô, xã Lăng Thành, huyện Yên Thành                             | UBND huyện Yên Thành                | 2,000         |               |

| TT       | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư  | Kế hoạch 2017  | Ghi chú                        |
|----------|---|---|----------------|--------------------------------|
| 76       | Xây dựng đập Na Cày, xã Chi Khê, huyện Con Cuông  | UBND xã Chi Khê   | 2,500          |                                |
| 77       | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bãi Bằng, xã Thanh Thịnh, huyện Thanh Chương  | UBND huyện Thanh Chương   | 2,000          |                                |
| 78       | Sửa chữa, nâng cấp đập Bí, xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương  | UBND huyện Đô Lương   | 1,200          |                                |
| 79       | Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Liên Thành, huyện Yên Thành.  | UBND xã Liên Thành, huyện Yên Thành   | 1,000          |                                |
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>   |   | <b>20,100</b>  |                                |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>  |   | <b>5,400</b>   |                                |
| 1        | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đình Dù xã Diễn Lâm huyện Diễn Châu   | Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Nghệ An   | 500            |                                |
| 2        | Đường giao thông nông thôn từ đường cửa khẩu Thanh Thủy vào đội sản xuất 02 (Đội Đươm) Tổng đội TNXP5-XDKT Nghệ An      | Tổng đội TNXP5-XDKT Nghệ An   | 3,900          | Kết thúc 2017                  |
| 3        | Đường từ Ngã ba dốc Đồng Minh đi khoảng 12, dốc Cổng Trời thuộc dự án: Khu kinh tế TNXP vùng Thung Voi, huyện Quỳnh Hợp | Tổng đội TNXP3-XDKT Nghệ AN   | 1,000          | Kết thúc 2017                  |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |   | <b>14,700</b>  |                                |
| 1        | Sửa chữa, nâng cấp kênh chính hồ Bàu Gia - Mã Tổ.   | Công ty TNHH 1TV Thủy lợi Bắc Nghệ An   | 500            | Kết thúc 2017                  |
| 2        | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Xiêm, xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc.   | Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy lợi Nam Nghệ An.                                  | 3,000          |                                |
| 3        | Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Quánh, xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc  | Sở Nông nghiệp và PTNT  | 1,500          |                                |
| 4        | Dự án làng thanh niên lập nghiệp biên giới Tam Hợp tỉnh Nghệ An   | Ban Thường Vụ Tỉnh đoàn Nghệ An   | 1,000          |                                |
| 5        | Đường giao thông vào vùng nguyên liệu chè của Xí nghiệp chế biến dịch vụ chè Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương               | Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển chè Nghệ An   | 3,000          |                                |
| 6        | Xây dựng đập thủy lợi Bản Nhã, xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp   | Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy lợi Quỳnh Hợp (nay là Công ty TNHH 1TV Thủy lợi Tây Bắc Nghệ An) | 1,500          |                                |
| 7        | Đường giao thông từ xã Tân Thắng đi tổng đội TNXP - XDKT Quỳnh Lưu ( Đường nội vùng nguyên liệu dứa, mía).              | Tổng đội TNXP - XDKT Quỳnh Lưu  | 1,000          |                                |
| 8        | Nâng cấp đường giao thông nguyên liệu chè tại Xí nghiệp chế biến dịch vụ chè Ngọc Lâm                                   | Công ty TNHH một thành viên ĐTPT chè Nghệ An  | 2,000          |                                |
| 9        | Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Trung tâm Khuyến nông, Khuyến ngư Nghệ An   | Trung tâm Khuyến nông, Khuyến ngư Nghệ An   | 1,200          | Kết thúc 2017                  |
| <b>B</b> | <b>GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>   |   | <b>484,418</b> |                                |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |   | <b>148,818</b> |                                |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>  |   | <b>12,170</b>  |                                |
| 1        | Đường vào TT hành chính xã Hội Sơn  | UBND huyện Anh Sơn  | 1,500          | Đối ứng Chương trình Chính phủ |
| 2        | Đường giao thông liên các xã Nam Sơn - Bắc Sơn - Đặng Sơn, huyện Đô Lương   | UBND huyện Đô Lương   | 1,100          | Kết thúc 2017                  |
| 3        | Đường giao thông từ QL 1A cầu Cẩm đi Nghi Hưng, Nghi Phương, Nghi Đồng  | UBND huyện Nghi Lộc   | 2,800          | Kết thúc 2017                  |



| TT       | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư                            | Kế hoạch 2017  | Ghi chú  |
|----------|---|---------------------------------------|----------------|--|
| 4        | Cầu Khe Độc, xã Quỳnh Thắng, huyện Quỳnh Lưu  | UBND huyện Quỳnh Lưu                  | 1,300          | Kết thúc 2017  |
| 5        | Đường giao thông nội vùng xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ   | UBND xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ      | 1,600          | Kết thúc 2017  |
| 6        | Đường dẫn vào cầu treo Đò Rô, xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ   | UBND huyện Tân Kỳ                     | 870            | Kết thúc 2017  |
| 7        | Đường vào TT xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ   | UBND huyện Tân Kỳ                     | 2,000          |  |
| 8        | Đường eo Lèn, xã Nghĩa Hoàn đi xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ  | UBND huyện Tân Kỳ                     | 1,000          |  |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |                                       | <b>132,773</b> |  |
| 1        | Đường chống ngập lụt từ khối Hoa Hải thị trấn Tân Lạc đến các bản Kê Ninh, Pà cọ xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu | UBND huyện Quỳnh Châu                 | 2,000          |  |
| 2        | Đường vào TT xã Châu Khê, huyện Con Cuông (bổ trí giai đoạn 1)  | UBND huyện Con Cuông                  | 3,806          | Hạng mục đoạn Km 6-Km 12 +76   |
| 3        | Đường giao thông từ QL 7A vào bệnh viện vùng Tây Nam, huyện Con Cuông (GD1)                                     | UBND huyện Con Cuông                  | 2,000          |  |
| 4        | Đường vào Trung tâm xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu  | UBND xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu     | 1,000          |  |
| 5        | Đường 205 đoạn từ QL 7A đến xã Diễn Tháp  | UBND huyện Diễn Châu                  | 4,000          |  |
| 6        | Nâng cấp đường giao thông tuyến Nhân Thành - Chợ Chùa - QL 1A   | UBND huyện Diễn Châu                  | 4,000          |  |
| 7        | Đường trục Trung tâm thương mại Bắc Nam đô thị Diễn Châu mở rộng (tuyến 1)                                      | UBND huyện Diễn Châu                  | 4,000          | Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 (nền mặt đường và công trình trên tuyến)                        |
| 8        | Đường giao thông chống ngập úng nối các xã Diễn Thịnh, Diễn Lộc, Diễn Thọ và Diễn Lợi, huyện Diễn Châu          | UBND huyện Diễn Châu                  | 5,000          | Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 (nền mặt đường và công trình trên tuyến trừ cầu đò km 2+066,24) |
| 9        | Đường giao thông Nhân Sơn- Đại Sơn huyện Đô Lương (hạng mục cầu và nền đường với dự toán 18447 tỷ đồng)         | UBND huyện Đô Lương                   | 2,500          |  |
| 10       | Đường giao thông từ Quang Sơn - Nhân Sơn, huyện Đô Lương  | UBND huyện Đô Lương                   | 2,000          |  |
| 11       | Đường GT liên xã Mỹ Sơn - Hiến Sơn đến khu di tích lịch sử Trương Bồn, huyện Đô Lương                           | UBND huyện Đô Lương                   | 2,000          |  |
| 12       | Đường giao thông Ngọc - Lam - Bồi đi qua di tích lịch sử đền Quả Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An              | UBND huyện Đô Lương                   | 4,000          |  |
| 13       | Đường và cầu qua sông Khuôn tại xóm 14, xã Tân Sơn, huyện Đô Lương  | UBND huyện Đô Lương                   | 2,000          |  |
| 14       | Đường giao thông liên xã Hưng Thắng, đoạn từ cầu Đình đến đường liên xã Tiến Thắng, huyện Hưng Nguyên           | UBND xã Hưng Thắng, huyện Hưng Nguyên | 2,000          |  |
| 15       | Nâng cấp mở rộng đường giao thông Lê Xuân Đào, huyện Hưng Nguyên  | UBND huyện Hưng Nguyên                | 3,000          |  |
| 16       | Tuyến đường giao thông đi qua TT thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên  | UBND thị trấn Hưng Nguyên             | 1,000          |  |

| TT | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư                       | Kế hoạch 2017 | Ghi chú                        |
|----|--|----------------------------------|---------------|--------------------------------|
| 17 | Cầu khe Pá, bản Huồi Cáng 1, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn   | UBND huyện Kỳ Sơn                | 1,200         | Kết thúc 2017                  |
| 18 | Nâng cấp, mở rộng đường Xô Viết và đường tỉnh 540, xã Kim Liên - Nam Đàn   | UBND huyện Nam Đàn               | 4,000         |                                |
| 19 | Đường vào TT y tế huyện Nghĩa Đàn  | UBND huyện Nghĩa Đàn             | 2,280         | Kết thúc 2017                  |
| 20 | Sửa chữa, nâng cấp tuyến nhánh nối vào đường Trung - Bình - Lâm, huyện Nghĩa Đàn (gói thầu 1 và 2)                     | UBND huyện Nghĩa Đàn             | 2,000         |                                |
| 21 | Đường giao thông liên xã Nghĩa Bình, Nghĩa Hội đi Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Đàn   | UBND huyện Nghĩa Đàn             | 2,700         | Kết thúc 2017                  |
| 22 | Cầu Đức Xuân (Khe Năng), xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn   | UBND huyện Nghĩa Đàn             | 3,000         |                                |
| 23 | Đường giao thông liên xã Nghĩa Yên đi Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn  | UBND huyện Nghĩa Đàn             | 2,000         |                                |
| 24 | Đường dọc khu trung tâm huyện lỵ mới huyện Nghĩa Đàn ( Dự án 5) (gói số 2)   | UBND huyện Nghĩa Đàn             | 2,000         |                                |
| 25 | Đường làng cây đa thuộc thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An  | UBND thị trấn Hưng Nguyên        | 2,459         | Đổi ứng chương trình chính phủ |
| 26 | Đường GT liên xã Nghi Văn - Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc  | UBND xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc | 1,500         |                                |
| 27 | Đường giao thông ĐT 534 - Nghi Văn - Hồ Xuân Dương (Diễn Châu), đoạn từ xóm 5B đến xóm 23, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc | UBND xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc | 1,000         |                                |
| 28 | Cầu treo bản Kè Ninh, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu   | UBND huyện Quỳnh Châu            | 600           | Kết thúc 2007                  |
| 29 | Cầu Hoa Hải, huyện Quỳnh Châu  | UBND huyện Quỳnh Châu            | 3,753         |                                |
| 30 | Đường từ TL 544 đến bản Na Luộc, xã Diên Lâm, huyện Quỳnh Châu (đoạn từ bản Na Ca đến bản Cướm)                        | UBND huyện Quỳnh Châu            | 2,500         |                                |
| 31 | Đường GT liên xã Minh Hợp - Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp   | UBND huyện Quỳnh Hợp             | 3,000         |                                |
| 32 | Đường giao thông từ thị trấn Quỳnh Hợp đi xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp  | UBND huyện Quỳnh Hợp             | 1,000         |                                |
| 33 | Cầu tràn liên hợp bản Nhạ, xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp  | UBND huyện Quỳnh Hợp             | 2,560         |                                |
| 34 | Xây dựng cầu tràn liên hợp Cốc Mắm, xã Thọ Hợp, huyện Quỳnh Hợp (tên cũ cầu treo Cốc Mắm)                              | UBND huyện Quỳnh Hợp             | 3,000         |                                |
| 35 | Đường GTNT Quỳnh Thạch - Quỳnh Thanh - Quỳnh Lương huyện Quỳnh Lưu   | UBND huyện Quỳnh Lưu             | 2,000         |                                |
| 36 | Đường giao thông vào các di tích lịch sử văn hóa xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu   | UBND xã Quỳnh Đôi                | 2,490         | Kết thúc 2017                  |
| 37 | Sửa chữa tuyến đường giao thông vùng Dứa phía Bắc, huyện Quỳnh Lưu (đoạn từ Km 6+200 - Km 16+300)                      | UBND huyện Quỳnh Lưu             | 2,500         |                                |
| 38 | Đường giao thông Quỳnh Lâm - Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu   | UBND huyện Quỳnh Lưu             | 2,000         |                                |
| 39 | Đường giao thông từ Tỉnh lộ 537B (đoạn xã Quỳnh Nghĩa) đi Tiến Thủy (cảng cá nhân dân Lạch Quèn), huyện Quỳnh Lưu      | UBND huyện Quỳnh Lưu             | 1,500         |                                |
| 40 | Cầu thay thế tràn xã Nậm Nhóng   | UBND huyện Quế Phong             | 1,500         |                                |
| 41 | Đường vào Trung tâm xã Ngọc Lâm, huyện Thanh Chương  | UBND huyện Thanh Chương          | 2,000         |                                |
| 42 | Đường vào xã Thanh Hưng, Thanh Phong, huyện Thanh Chương   | UBND huyện Thanh Chương          | 2,925         |                                |

| TT       | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư                         | Kế hoạch 2017  | Ghi chú                 |
|----------|--|------------------------------------|----------------|-------------------------|
| 43       | Đường GT từ TL 533 đi đường Hồ Chí Minh, nối đường vào xã Ngọc Lâm tại xóm 1A xã Thanh Thịnh, huyện Thanh Chương | UBND huyện Thanh Chương            | 1,500          |                         |
| 44       | Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 46 đi Thanh Đồng, Thanh Phong vào Nhà máy tinh bột sắn, huyện Thanh Chương   | UBND huyện Thanh Chương            | 1,000          |                         |
| 45       | Đường giao thông nối đường tỉnh 533 đi xã Thanh Hương nối đường Hồ Chí Minh                                      | UBND huyện Thanh Chương            | 2,000          |                         |
| 46       | Cầu treo Khe Ngẫu, xã Xá Lượng, huyện Tương Dương  | UBND huyện Tương Dương             | 1,500          |                         |
| 47       | Đường giao thông từ TT xã Lượng Minh vào khu tái định cư bản Cà Moong, huyện Tương Dương                         | UBND huyện Tương Dương             | 2,500          |                         |
| 48       | Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 545 đoạn qua thị xã Thái Hòa  | UBND thị xã Thái Hòa               | 3,000          |                         |
| 49       | Tuyến đường ngang N6 thuộc hệ thống hạ tầng giao thông Khu đô thị mới Thái Hoà                                   | UBND Thị xã Thái Hòa               | 1,800          |                         |
| 50       | Cầu Khe Thân, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ   | UBND huyện Tân Kỳ                  | 2,000          |                         |
| 51       | Đường giao thông từ Tổng đội TNXP4 đi trung tâm xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ   | UBND huyện Tân Kỳ                  | 1,000          |                         |
| 52       | Đường giao thông vùng nguyên liệu Khe Chùa, huyện Yên Thành  | UBND huyện Yên Thành               | 3,000          |                         |
| 53       | Nâng cấp đường 33, huyện Yên Thành (KH 2017 thanh toán nợ tuyến số 5, Lý trình: Km13+532,95-KM15+700)            | UBND huyện Yên Thành               | 2,000          |                         |
| 54       | Đường từ Thịnh Thành, Tây Thành đến QL 15 (gd1)  | UBND huyện Yên Thành               | 1,500          |                         |
| 55       | Nâng cấp đường tỉnh 534, đoạn qua thị tứ xã Sơn Thành, huyện Yên Thành   | UBND xã Sơn Thành, huyện Yên Thành | 1,000          |                         |
| 56       | Đường từ cầu treo An Ngãi đi trung tâm xã Tân An., huyện Tân Kỳ  | UBND huyện Tân Kỳ                  | 250            | Kết thúc 2017           |
| 57       | Đường giao thông vào TT xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương  | UBND xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương   | 450            | Kết thúc 2017           |
| 58       | Đường giao thông liên xã Tây Thành, huyện Yên Thành đi xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương                         | UBND xã Tây Thành, huyện Yên Thành | 2,000          |                         |
| 59       | Đường giao thông từ bản Huồi Lê đến bản Quyết Thắng, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn                                    | UBND huyện Kỳ Sơn                  | 2,500          |                         |
| 60       | Đường từ Thị trấn - Đức Thành, huyện Yên Thành   | UBND huyện Yên Thành               | 2,000          |                         |
| <b>c</b> | <b>Công trình khởi công mới 2017</b>   |                                    | <b>3,875</b>   |                         |
| 1        | Đường GT nối từ đường tả ngạn sông Lam (huyện Anh Sơn) với đường vào trung tâm xã Thạch Ngàn (huyện con Cuông)   | UBND xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn     | 3,875          |                         |
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>  |                                    | <b>335,600</b> |                         |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>   |                                    | <b>12,278</b>  |                         |
| 1        | Trả nợ các công trình Sở Giao thông Vận tải chủ đầu tư   |                                    | 12,278         |                         |
| 1        | Đường vào nhà máy xi măng Đô Lương   | Sở Giao thông Vận tải              | 4,000          |                         |
| 2        | Đường nối QL1A vào khu du lịch Bãi Lữ  | Sở Giao thông Vận tải              | 578            | Kết thúc 2017           |
| 3        | Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 538  | Sở Giao thông Vận tải              | 1,700          |                         |
| 4        | Cầu treo Cây Mít, xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn   | Sở Giao thông Vận tải              | 2,000          |                         |
| 5        | Cầu treo Bến Mười, xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn   | Sở Giao thông Vận tải              | 4,000          |                         |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |                                    | <b>323,322</b> |                         |
| 1        | Cầu Phương Tích trên Tỉnh lộ 534   | Sở Giao thông Vận tải              | 3,322          | Chọn điểm dừng kỹ thuật |

| TT       | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư   | Kế hoạch 2017  | Ghi chú                                   |
|----------|---|--|----------------|---|
| 2        | Đường từ KCN Hoàng Mai II đến NM xi măng Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu   | BQL các dự án xây dựng dân dụng và kỹ thuật hạ tầng đô thị | 20,000         |   |
| 3        | Đường giao thông nối đường N5 KKT Đông Nam đến Hòa Sơn, Đô Lương và Tân Long, Tân Kỳ  | Sở Giao thông Vận tải                                      | 300,000        |   |
| <b>b</b> | <b>HẠ TẦNG ĐÔ THỊ</b>   |  | <b>130,764</b> |   |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |  | <b>118,264</b> |   |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>  |  | <b>5,200</b>   |   |
| 1        | Hệ thống mương thoát nước thị trấn Kim Sơn- Quế Phong   | UBND huyện Quế Phong                                       | 2,000          | Kết thúc 2017                             |
| 2        | Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng các trục đường chính thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ  | UBND huyện Tân Kỳ  | 900            | Kết thúc 2017                             |
| 3        | Đường GT từ Khối 9 thị trấn Tân Kỳ nối TL545 tại Km0+545, huyện Tân Kỳ  | UBND huyện Tân Kỳ  | 2,300          | Đối ứng Chương trình Chính phủ            |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |  | <b>70,803</b>  |   |
| 1        | Kênh thoát nước số 1, đoạn từ ngang số 18 đến số 23, thị xã Cửa Lò  | UBND thị xã Cửa Lò   | 1,500          |   |
| 2        | Hệ thống điện chiếu sáng Quốc lộ 46 đoạn từ cơ sở 2 trường Đại học Vinh đến đường Nam Cẩm - Cửa Lò, thị xã Cửa Lò   | UBND thị xã Cửa Lò   | 2,000          |   |
| 3        | Đường ngang số 12 - thị xã Cửa Lò   | UBND thị xã Cửa Lò   | 640            | Kết thúc 2017                             |
| 4        | Hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến Quốc lộ 1A, đoạn qua huyện Diễn Châu   | UBND huyện Diễn Châu                                       | 1,900          | Kết thúc 2017                             |
| 5        | Cầu qua sông Hoàng Mai tại phường Mai Hùng, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An  | UBND thị xã Hoàng Mai                                      | 3,000          |   |
| 6        | Hệ thống điện chiếu sáng dọc QL1A đoạn qua thị xã Hoàng Mai   | UBND thị xã Hoàng Mai                                      | 2,000          |   |
| 7        | Nghĩa trang hung táng 2ha tại xã Quỳnh Lập  | UBND thị xã Hoàng Mai                                      | 700            | Kết thúc 2017                             |
| 8        | Đường giao thông từ khu trung tâm thị xã Hoàng Mai đến đền Cờn  | UBND thị xã Hoàng Mai                                      | 1,000          | Đối ứng chương trình chính phủ            |
| 9        | Tuyến đường số 3 Khu đô thị Hoàng mai (giai đoạn 1)   | UBND thị xã Hoàng Mai                                      | 1,000          | Đối ứng chương trình chính phủ            |
| 10       | Hệ thống mương thoát nước thị trấn Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn   | UBND huyện Nghĩa Đàn                                       | 1,800          | Kết thúc 2017                             |
| 11       | Khu tái định cư các hộ dân sống gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc  | UBND huyện Nghi Lộc  | 5,000          |   |
| 12       | Đường GT trung tâm nội khu hành chính mới thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc (giai đoạn 1)  | UBND thị trấn Quán Hành                                    | 1,000          | Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 với tmđt 24 tỷ |
| 13       | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc phục vụ GPMB xây dựng tại KKT Đông Nam   | UBND huyện Nghi Lộc  | 1,000          |   |
| 14       | Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu   | UBND huyện Quỳnh Châu                                      | 2,000          | Kết thúc 2017                             |
| 15       | Bãi xử lý rác thải thị trấn Quỳnh Hợp và các xã phụ cận   | UBND huyện Quỳnh Hợp                                       | 4,100          | Kết thúc 2017                             |
| 16       | Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp (Tuyến 1: ngã ba Xương Luyện đi ngã Tư Bưu Điện 32 tỷ đồng, NS tính 16 tỷ đồng) | UBND huyện Quỳnh Hợp                                       | 3,000          | Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1                |
| 17       | Hệ thống điện chiếu sáng đô thị Tuấn, huyện Quỳnh Lưu   | UBND huyện Quỳnh Lưu                                       | 1,000          |   |



| TT       | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư                           | Kế hoạch 2017 | Ghi chú                             |
|----------|---|--------------------------------------|---------------|-------------------------------------|
| 18       | Hệ thống mương thoát nước thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương   | UBND huyện Thanh Chương              | 1,000         |                                     |
| 19       | Bãi xử lý rác thải thị trấn Thanh Chương  | UBND huyện Thanh Chương              | 2,000         | Đối ứng Chương trình Chính phủ      |
| 20       | Nâng cấp đường nội thị thị trấn Tân Kỳ  | UBND huyện Tân Kỳ                    | 2,200         | Kết thúc 2017                       |
| 21       | Hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thị trấn Tân Kỳ   | UBND huyện Tân Kỳ                    | 1,500         |                                     |
| 22       | Chống ngập úng cục bộ trọng điểm trên địa bàn thành phố Vinh (giai đoạn 1: 35,8 tỷ đồng, NS tính 17,9 tỷ đồng)                              | UBND thành phố Vinh                  | 4,000         |                                     |
| 23       | Mương tiêu thoát nước Bàu Đông, xã Hưng Đông, thành phố Vinh  | UBND xã Hưng Đông, thành phố Vinh    | 4,000         |                                     |
| 24       | Cải tạo kênh thoát nước số 2, đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến cầu Nại, đường Hồ Tùng Mậu, thành phố Vinh                                    | UBND thành phố Vinh                  | 1,500         |                                     |
| 25       | Đường giao thông đô thị theo đường tàu cũ, phường Trung Đô, thành phố Vinh  | UBND phường Trung Đô, thành phố Vinh | 2,000         |                                     |
| 26       | Nâng cấp, mở rộng đường Trương Văn Lĩnh, đoạn nối đường Hải Thượng Lãn Ông đến đường Hoàng Phan Thái, thành phố Vinh                        | UBND thành phố Vinh                  | 1,000         | Kết thúc 2017                       |
| 27       | Một số tuyến đường chính trong giai đoạn đầu của thị trấn Yên Thành (đầu tư 20% giá trị xây lắp)  | UBND huyện Yên Thành                 | 1,500         | Phân kỳ giai đoạn dự án             |
| 28       | Điện chiếu sáng thị tứ Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu   | UBND huyện Quỳnh Lưu                 | 400           | Kết thúc 2017                       |
| 29       | Bãi xử lý rác thải huyện Quỳnh Lưu  | UBND huyện Quỳnh Lưu                 | 2,250         | Kết thúc 2017                       |
| 30       | Đường giao thông vào khu xử lý rác thải thị xã Thái Hoà (Giai đoạn 1)   | UBND thị xã Thái Hoà                 | 2,500         | Kết thúc 2017                       |
| 31       | Được trực dọc D1 thuộc hệ thống hạ tầng giao thông khu đô thị mới Thái Hòa  | UBND thị xã Thái Hoà                 | 2,000         | Đối ứng chương trình Chính phủ      |
| 32       | Cầu vượt lũ Tân Phụng, phường Vinh Tân, thành phố Vinh  | UBND phường Vinh Tân, thành phố Vinh | 2,000         |                                     |
| 33       | Đường ngang số 4, thị xã Cửa Lò   | UBND thị xã Cửa Lò                   | 3,613         |                                     |
| 34       | Đường dọc phía Tây kênh thoát nước đường trực dọc số III, đoạn từ đường ngang số 1 đến đường ngang số 11, thị xã Cửa Lò                     | UBND thị xã Cửa Lò                   | 3,000         |                                     |
| 35       | Đường lánh nạn, cứu hộ phục vụ nhân dân sơ tán lũ lụt nối từ đê Môi Trường qua đê Bà Cô đến đường ven sông Lam, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh | UBND xã Hưng Hòa, TP Vinh            | 1,700         | Kết thúc 2017                       |
| <b>c</b> | <b>Công trình khởi công mới 2017</b>  |                                      | <b>41,761</b> |                                     |
| 1        | Hạ tầng Khu TĐC phục vụ GPMB các công trình trọng điểm trên địa bàn thị xã Hoàng Mai (giai đoạn 1)  | UBND thị xã Hoàng Mai                | 5,753         |                                     |
| 2        | Đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài nối đường ven sông Lam, thành phố Vinh (giai đoạn 1)   | UBND thành phố Vinh                  | 30,000        |                                     |
| 3        | Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại Bãi rác Đông Vinh, thành phố Vinh   | UBND thành phố Vinh                  | 3,159         |                                     |
| 5        | Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Hoà Bình  | UBND huyện Tương Dương               | 2,849         |                                     |
| <b>d</b> | <b>Công trình bố trí chuẩn bị đầu tư năm 2017</b>   |                                      | <b>500</b>    |                                     |
| 1        | Đường giao thông Hòa Thái, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh nối từ đường ven Sông Lam đến đê Môi Trường (giai đoạn 1)                            | UBND xã Hưng Hòa, TP Vinh            | 500           | Năm 2017 bố trí vốn chuẩn bị đầu tư |

| TT       | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư                                     | Kế hoạch 2017 | Ghi chú       |
|----------|---|--|---------------|---------------|
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>   |  | <b>12,500</b> |               |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |  | <b>12,500</b> |               |
| 1        | Đường gom dân sinh đảm bảo an ninh khu vực Cảng hàng không Vinh (gđ1)   | Ban quản lý các DA XDDD & KTHT đô thị          | 1,300         | Kết thúc 2017 |
| 2        | Đường vào trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh Nghệ An   | Trung tâm điều dưỡng người có công             | 2,700         | Kết thúc 2017 |
| 3        | Hệ thống thoát nước (giai đoạn 1) khu vực Bắc đường Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh  | Ban quản lý các DA XDDD & KTHT đô thị          | 2,000         |               |
| 4        | Đường giao thông từ QL1A (ngã Ba Quán Bàu) đến Đại lộ Xô viết Nghệ Tĩnh.  | Ban quản lý các DA XDDD & KTHT đô thị          | 5,000         |               |
| 5        | Xây dựng ô chôn lấp số 2A và 2B Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc                                       | Cty TNHH MTV Môi trường & công trình đô thị NA | 1,500         |               |
| <b>D</b> | <b>CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ</b>  |  | <b>20,715</b> |               |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |  | <b>8,015</b>  |               |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |  | <b>8,015</b>  |               |
| 1        | Cải tạo, nâng công suất Nhà máy cấp nước Yên Thành từ 2.000m3/ngày đêm lên 5.000m3/ngày đêm                                     | UBND huyện Yên Thành                           | 2,000         |               |
| 2        | Nhà máy nước huyện Nghĩa Đàn  | UBND huyện Nghĩa Đàn                           | 3,200         | Kết thúc 2017 |
| 3        | Nhà máy nước thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong  | UBND huyện Quế Phong                           | 2,815         | Kết thúc 2017 |
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>   |  | <b>12,700</b> |               |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |  | <b>12,700</b> |               |
| 1        | Mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu  | Cty CP cấp nước Quỳnh Lưu                      | 3,000         |               |
| 2        | Kè bảo vệ nguồn nước cho Trạm bơm nước thô Cầu Mụ và tuyến ống cấp nước xã Hưng Chính, thành phố Vinh                           | Cty CP cấp nước Nghệ An                        | 2,700         | Kết thúc 2017 |
| 3        | Cải tạo nâng cấp hệ thống tuyến ống cấp 1 bằng gang sắt sang ống nhựa HDPE của nhà máy cấp nước thị xã Thái Hòa                 | Cty CP cấp nước Thái Hòa                       | 2,000         |               |
| 4        | Thay đổi nguồn nước thô bị ô nhiễm của Nhà máy nước Diễn Châu   | Cty CP cấp nước Diễn Châu                      | 2,000         |               |
| 5        | Hệ thống cấp nước sạch cho một số khu vực dân cư trung tâm trên địa bàn thành phố Vinh và huyện Hưng Nguyên                     | Cty CP cấp nước Nghệ An                        | 3,000         |               |
| <b>c</b> | <b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>  |  | <b>6,970</b>  |               |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |  | <b>2,000</b>  |               |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |  | <b>2,000</b>  |               |
| 1        | Xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo mô hình một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện Đô Lương                      | UBND huyện Đô Lương                            | 1,400         | Kết thúc 2017 |
| 1        | Xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện Thanh Chương                   | UBND huyện Thanh Chương                        | 200           | Kết thúc 2017 |
| 2        | Xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện Con Cuông                      | UBND huyện Con Cuông                           | 400           | Kết thúc 2017 |
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>   |  | <b>4,970</b>  |               |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>  |  | <b>3,570</b>  |               |
| 1        | Xây dựng hệ thống CSDL và triển khai áp dụng phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo phục vụ các cấp, các ngành tỉnh Nghệ An | Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An                    | 380           | Kết thúc 2017 |
| 2        | Đầu tư hiện đại hoá các Đài truyền thanh cơ sở tại các phường, xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An                           | Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An      | 440           | Kết thúc 2017 |

| TT        | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư  | Kế hoạch 2017 | Ghi chú       |
|-----------|---|---|---------------|---------------|
| 3         | Đầu tư cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Nghệ An để thực hiện các nhiệm vụ từ năm 2014-2015 của Đề án Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu Lưu trữ lịch sử tỉnh Nghệ An giai đoạn 2014-2020. | Chi cục văn thư - lưu trữ tỉnh Nghệ An                    | 1,750         | Kết thúc 2017 |
| 4         | Hệ thống thiết bị mạng Lan, mạng thoại, camera giám sát dự án: Bệnh viện nội tiết (giai đoạn 2)   | Bệnh viện nội tiết Nghệ An                                | 1,000         |               |
| <b>c</b>  | <b>Công trình khởi công mới 2017</b>  |   | <b>1,400</b>  |               |
| 1         | Xây dựng hệ thống mạng Lan và trang thiết bị CNTT tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An  | Bệnh viện ung bướu Nghệ An                                | 1,400         | Kết thúc 2017 |
| <b>F</b>  | <b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>   |   | <b>18,800</b> |               |
|           | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>   |   | <b>18,800</b> |               |
| <b>a</b>  | <b>Công trình trả nợ</b>  |   | <b>367</b>    |               |
| 1         | Cải tạo trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An  | Sở Khoa học và Công nghệ                                  | 182           | Kết thúc 2017 |
| 2         | Trụ sở làm việc và sàn giao dịch thiết bị - công nghệ của Trung tâm Thông tin khoa học công nghệ và Tin học Nghệ An (chi QLDA, tư vấn đầu tư, khác)   | Trung tâm Thông tin khoa học công nghệ và Tin học Nghệ An | 185           | Kết thúc 2017 |
| <b>b</b>  | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |   | <b>10,000</b> |               |
| 1         | Trụ sở Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng tỉnh Nghệ An  | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng tỉnh Nghệ An       | 8,000         |               |
|           | <b>Bổ trí các dự án ứng dụng khoa học trong phát triển nông nghiệp</b>  |   | <b>2,000</b>  |               |
| <b>c</b>  | <b>Công trình khởi công mới 2017</b>  |   | <b>8,433</b>  |               |
| 1         | Khu thực nghiệm và vườn ươm tạo công nghệ cao tại xã Đông Hiếu, thị xã Thái Hòa   | Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và Công nghệ          | 6,433         |               |
| 2         | Ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt cho cây chanh leo huyện Quế Phong  | UBND huyện Quế Phong                                      | 2,000         | Kết thúc 2017 |
| <b>G</b>  | <b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>  |   | <b>91,015</b> |               |
| <b>G1</b> | <b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>  |   | <b>75,835</b> |               |
|           | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |   | <b>14,422</b> |               |
| <b>b</b>  | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |   | <b>14,122</b> |               |
| 1         | Nhà học Trường tiểu học Châu Hạnh 2, huyện Quỳnh Châu   | UBND huyện Quỳnh Châu                                     | 2,000         |               |
| 2         | Nhà nội trú học sinh Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Thông Thu, huyện Quế Phong   | UBND huyện Quế Phong                                      | 1,139         | Kết thúc 2017 |
| 3         | Nhà nội trú học sinh Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Tri Lễ, huyện Quế Phong  | UBND huyện Quế Phong                                      | 1,142         | Kết thúc 2017 |
| 4         | Nhà học Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Quỳnh Hợp   | Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Quỳnh Hợp           | 1,900         | Kết thúc 2017 |
| 5         | Nhà học đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Tân Kỳ  | Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Tân Kỳ                | 700           | Kết thúc 2017 |
| 6         | Nhà nội trú học sinh Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn  | UBND huyện Kỳ Sơn   | 941           | Kết thúc 2017 |
| 7         | Nhà nội trú học sinh Trường PTCS DTBT Bảo Thắng, huyện Kỳ Sơn   | UBND huyện Kỳ Sơn   | 1,000         |               |
| 8         | Nhà nội trú học sinh Trường PTDTBT TH&THCS Phả Đánh, huyện Kỳ Sơn   | UBND huyện Kỳ Sơn   | 1,000         |               |
| 9         | Nhà nội trú học sinh Trường PTDTBT THCS Nhôn Mai, huyện Tương Dương   | UBND huyện Tương Dương                                    | 1,000         |               |

| TT       | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư                                   | Kế hoạch 2017 | Ghi chú              |
|----------|--|--|---------------|----------------------|
| 10       | Nhà nội trú học sinh Trường PTDTBT THCS Tam Hợp, huyện Tương Dương.  | UBND huyện Tương Dương                       | 1,000         |                      |
| 11       | Nhà học 2 tầng 12 phòng Trường tiểu học Hùng Thành, huyện Yên Thành  | UBND xã Hùng Thành                           | 2,300         | Kết thúc 2017        |
| <i>c</i> | <b>Công trình bố trí chuẩn bị đầu tư năm 2017</b>  |  | <b>300</b>    |                      |
| 1        | Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Hoàng Mai   | Thị ủy Hoàng Mai                             | 300           | Chuẩn bị đầu tư 2017 |
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>  |  | <b>61,413</b> |                      |
| <i>a</i> | <b>Công trình trả nợ</b>   |  | <b>6,418</b>  |                      |
| 1        | Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Cửa Lò, thị xã Cửa Lò.   | Trường THPT Cửa Lò                           | 439           | Kết thúc 2017        |
| 2        | Nhà học chức năng kiêm nhà học Trường THPT Thái Lão, huyện Hưng Nguyên   | Trường THPT Thái Lão                         | 111           | Kết thúc 2017        |
| 3        | Nhà đa chức năng, tượng Lê Hồng Phong và các hạng mục phụ trợ, hạ tầng của Trường THPT Lê Hồng Phong, huyện Hưng Nguyên  | Trường THPT Lê Hồng Phong                    | 5,490         |                      |
| 4        | Gói thầu số 1: xây dựng phần móng công trình thuộc dự án Nhà học chuyên ngành 5 tầng tại cơ sở 2 Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An  | Trường CĐ VHNT Nghệ An                       | 378           | Kết thúc 2016        |
| <i>b</i> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |  | <b>43,295</b> |                      |
| 1        | Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (hạng mục nhà học 4 tầng)   | Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng                 | 3,000         |                      |
| 2        | Cải tạo, nâng cấp nhà học 3 tầng 30 phòng học và xây dựng mới nhà hiệu bộ Trường THPT Thanh Chương 1, huyện Thanh Chương ( <i>Hạng mục cải tạo, nâng cấp nhà học 3 tầng 30 phòng học</i> ) | Trường THPT Thanh Chương 1                   | 1,400         |                      |
| 3        | Nhà học Trường THPT Phan Thúc Trục, huyện Yên Thành  | Trường THPT Phan Thúc Trục                   | 1,500         |                      |
| 4        | Nhà học 3 tầng 9 phòng học chức năng trường THPT Đặng Thai Mai, Thanh Chương   | Trường THPT Đặng Thai Mai                    | 1,000         |                      |
| 5        | Nhà hiệu bộ Trường THPT Tây Hiếu- Thị xã Thái Hoà  | Trường THPT Tây Hiếu- Thị xã Thái Hoà        | 1,500         |                      |
| 6        | Trường phổ thông DTNT THPT số 2 tỉnh Nghệ An   | Trường phổ thông DTNT THPT số 2 tỉnh Nghệ An | 9,000         |                      |
| 7        | Khu thực hành tiền lâm sàng Trường Đại học Y khoa Vinh   | Trường Đại học Y khoa Vinh                   | 11,995        | Kết thúc 2017        |
| 8        | Nhà hiệu bộ 3 tầng và nhà học bộ môn 3 tầng Trường THPT Tân Kỳ 3, huyện Tân Kỳ ( <i>hạng mục nhà học bộ môn</i> )  | Trường THPT Tân Kỳ 3                         | 2,600         |                      |
| 9        | Cải tạo nhà học 3 tầng 15 phòng học và xây dựng mới nhà học bộ môn của Trường THPT Nam Đàn 1, huyện Nam Đàn  | Trường THPT Nam Đàn 1                        | 2,600         |                      |
| 10       | Cải tạo nâng cấp nhà ở học viên, giảng viên 4 tầng và xây dựng hạng mục phụ trợ Trường Chính trị tỉnh Nghệ An  | Trường Chính trị tỉnh Nghệ An                | 3,000         |                      |
| 11       | Nhà hiệu bộ, thư viện Trường THPT Bắc Yên Thành, huyện Yên Thành   | Trường THPT Bắc Yên Thành                    | 1,500         |                      |
| 12       | Trường phổ thông DTNT THCS Quỳnh Châu  | UBND huyện Quỳnh Châu                        | 3,700         |                      |
| 13       | Nhà học chức năng Trường THPT Nguyễn Đức Mậu, huyện Quỳnh Lưu  | Trường THPT Nguyễn Đức Mậu                   | 500           |                      |
| <i>c</i> | <b>Công trình khởi công mới 2017</b>   |  | <b>11,700</b> |                      |
| 1        | Xây dựng nhà học chức năng Trường THPT Thanh Chương 3  | Trường THPT Thanh Chương 3                   | 3,200         |                      |
| 2        | Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ 2 tầng và hạng mục phụ trợ Trường THPT Nghi Lộc 5  | Trường THPT Nghi Lộc 5                       | 1,300         |                      |



| TT        | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư   | Kế hoạch 2017 | Ghi chú   |
|-----------|---|--|---------------|---|
| 3         | Nhà học chức năng và nâng cấp sân đường nội bộ Trường THPT Quỳnh Lưu 4, huyện Quỳnh Lưu.                                    | Trường THPT Quỳnh Lưu 4  | 2,500         |   |
| 4         | Nhà học chức năng Trường THPT Quỳnh Hợp 2, huyện Quỳnh Hợp  | Trường THPT Quỳnh Hợp 2  | 2,700         |   |
| 5         | Xây dựng nhà đa chức năng và các công trình phụ trợ Trường Trung học phổ thông Cửa Lò 2, thị xã Cửa Lò                      | Trường Trung học phổ thông Cửa Lò 2                                  | 2,000         |   |
| <b>G2</b> | <b>DẠY NGHỀ</b>   |  | <b>15,180</b> |   |
|           | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |  | <b>4,400</b>  |   |
| <b>a</b>  | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |  | <b>4,400</b>  |   |
| 1         | Cơ sở vật chất Trung tâm Dạy nghề huyện Anh Sơn   | Trung tâm dạy nghề huyện Anh Sơn                                     | 1,500         |   |
| 2         | Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề huyện Quỳnh Châu  | UBND huyện Quỳnh Châu  | 2,900         |   |
|           | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>   |  | <b>10,780</b> |   |
| <b>a</b>  | <b>Công trình trả nợ</b>  |  | <b>1,640</b>  |   |
| 1         | Nâng cấp cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Công nghiệp, thủ công nghiệp Nghệ An ( hạng mục gói thầu số 15, 16) | Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Công nghiệp, thủ công nghiệp Nghệ An | 500           |   |
| 2         | Nhà xưởng thực hành nghề kỹ thuật xây dựng trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Việt Đức   | Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Việt Đức                               | 1,140         | Kết thúc 2017   |
| <b>b</b>  | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |  | <b>9,140</b>  |   |
| 1         | Xây dựng Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Nghệ An   | Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Nghệ An                 | 1,780         | Kết thúc 2017   |
| 2         | Nhà học đa năng kiêm Thư viện điện tử tại cơ sở 2 Trường Cao đẳng nghề du lịch-Thương mại Nghệ An                           | Trường Cao đẳng nghề du lịch-Thương mại Nghệ An                      | 1,500         |   |
| 3         | Nhà học thực hành tại cơ sở 1, trường Cao đẳng nghề Du lịch - Thương mại Nghệ An  | Trường Cao đẳng nghề du lịch-Thương mại Nghệ An                      | 3,060         |   |
| 4         | Xây dựng cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Đô Lương   | Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Đô Lương                    | 800           |   |
| 5         | Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Tây Nghệ An   | Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Tây Nghệ An            | 2,000         |   |
| <b>H</b>  | <b>Y TẾ</b>   |  | <b>38,891</b> |   |
|           | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |  | <b>2,296</b>  |   |
| <b>a</b>  | <b>Công trình trả nợ</b>  |  | <b>2,296</b>  |   |
| 1         | Phòng khám đa khoa khu vực Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn  | Bệnh viện đa khoa huyện Kỳ Sơn                                       | 1,379         | Đổi ứng chương trình mục tiêu quốc gia, Kết thúc 2017 |
| 2         | Phòng khám đa khoa khu vực Châu Thôn, huyện Quế Phong   | UBND huyện Quế Phong   | 917           | Đổi ứng chương trình mục tiêu quốc gia, Kết thúc 2017 |
|           | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>   |  | <b>36,595</b> |   |
| <b>a</b>  | <b>Công trình trả nợ</b>  |  | <b>6,000</b>  |   |

| TT       | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư  | Kế hoạch 2017 | Ghi chú                         |
|----------|--|---|---------------|---------------------------------|
| 1        | Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ   | Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ                       | 1,500         | Kết thúc 2017                   |
| 2        | Nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Nghệ An   | Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Nghệ An              | 2,500         |                                 |
| 3        | Nhà kỹ thuật nghiệp vụ 2 tầng Bệnh viện Ung bướu Nghệ An   | Bệnh viện Ung bướu Nghệ An                        | 2,000         |                                 |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |   | <b>27,095</b> |                                 |
| 1        | Cơ sở vật chất Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nghệ An   | Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nghệ An                   | 800           | Kết thúc 2017                   |
| 2        | Cải tạo, xây dựng mới khoa, phòng chức năng Bệnh viện Sản nhi Nghệ An  | Bệnh viện Sản Nhi                                 | 690           | Kết thúc 2017                   |
| 3        | Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc và nhà khám chữa bệnh của Trung tâm chăm sóc sức khỏe Sinh sản tỉnh Nghệ An (giai đoạn 2) | Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Nghệ An | 2,000         |                                 |
| 4        | Cơ sở vật chất Trung tâm y tế thành phố Vinh   | Trung tâm y tế thành phố Vinh                     | 2,300         | Kết thúc 2017                   |
| 5        | Bệnh viện mắt Nghệ An  | Bệnh viện Mắt Nghệ An                             | 3,000         | Hạng mục nhà khám và hành chính |
| 6        | Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An  | Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An                 | 2,805         |                                 |
| 7        | Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải một số bệnh viện trên địa bàn tỉnh Nghệ An                                  | Sở Y tế   | 2,000         | Đối ứng ngân sách trung ương    |
| 8        | Nhà kỹ thuật Trung tâm Y tế thị xã Hoàng Mai   | Sở Y tế   | 1,500         |                                 |
| 9        | Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên  | Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên                  | 2,000         |                                 |
| 10       | Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Đô Lương   | Trung tâm y tế huyện Đô Lương                     | 1,500         |                                 |
| 11       | Bệnh viện Nội tiết (giai đoạn 2)   | Bệnh viện Nội tiết Nghệ An                        | 4,500         |                                 |
| 12       | Trung tâm xạ trị và y học hạt nhân - Bệnh viện Ung bướu Nghệ An  | Bệnh viện Ung bướu Nghệ An                        | 4,000         | Đối ứng ngân sách trung ương    |
| <b>c</b> | <b>Công trình khởi công mới 2017</b>   |   | <b>3,500</b>  |                                 |
| 1        | Cải tạo và xây dựng mở rộng phòng khám Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh  | Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh          | 2,000         |                                 |
| 2        | Cải tạo, nâng cấp Trung tâm phòng chống Sốt rét, ký sinh trùng và côn trùng Nghệ An                                      | Sở Y tế   | 1,500         |                                 |
| <b>K</b> | <b>XÃ HỘI</b>  |   | <b>19,294</b> |                                 |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>   |   | <b>2,700</b>  |                                 |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |   | <b>2,700</b>  |                                 |
| 1        | Nâng cấp Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội huyện Tương Dương  | UBND huyện Tương Dương                            | 2,700         |                                 |
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>  |   | <b>16,594</b> |                                 |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>   |   | <b>4,639</b>  |                                 |
| 1        | Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội Nghệ An   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội                | 2,500         |                                 |
| 2        | Nâng cấp Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội I tỉnh Nghệ An   | Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội I tỉnh Nghệ An | 1,489         | Kết thúc 2017                   |
| 3        | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ tỉnh lộ 535 vào khu điều dưỡng thương binh tâm thần kinh Nghệ An                        | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội                | 650           | Kết thúc 2017                   |

| TT       | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư   | Kế hoạch 2017 | Ghi chú                        |
|----------|--|--|---------------|--------------------------------|
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |  | <b>11,955</b> |                                |
| 1        | Hệ thống điện chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời tại nghĩa trang liệt sỹ quốc tế Việt Lào và nghĩa trang liệt sỹ ở huyện Đô Lương                                   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội                           | 690           | Kết thúc 2017                  |
| 2        | Nhà ở thương binh Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nghệ An (gói 2)   | Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nghệ An                     | 1,200         |                                |
| 3        | Trung tâm giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm Phúc Sơn   | Trung tâm giáo dục, dạy nghề và Giải quyết việc làm Phúc Sơn | 2,400         |                                |
| 4        | Xây dựng Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy Nghệ An (gói 3: Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà học tập, sinh hoạt văn hóa, nhà xưởng học nghề...)    | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội                           | 2,300         |                                |
| 5        | Cải tạo nâng cấp Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội II tỉnh Nghệ An  | Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội II tỉnh Nghệ An           | 1,500         |                                |
| 6        | Nhà thờ và nhà văn bia nghĩa trang liệt sỹ Việt Lào  | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội                           | 965           |                                |
| 7        | Nâng cấp và mở rộng lô mộ nghĩa trang liệt sỹ huyện Nghi Lộc   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội                           | 900           |                                |
| 8        | Hệ thống xử lý nước thải tại Trung tâm Giáo dục lao động xã hội 2  | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội                           | 2,000         |                                |
| <b>L</b> | <b>VĂN HÓA</b>   |  | <b>31,290</b> |                                |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>   |  | <b>8,800</b>  |                                |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>   |  | <b>1,000</b>  |                                |
| 1        | Sân vận động huyện Con Cuông   | UBND huyện Con Cuông   | 1,000         |                                |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |  | <b>7,800</b>  |                                |
| 1        | Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Duy Trinh, huyện Nghi Lộc   | UBND huyện Nghi Lộc  | 1,300         | Kết thúc 2017                  |
| 2        | Khuôn viên, tượng đài, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật với chủ đề "Hậu phương tiến về tiền tuyến"   | UBND huyện Tân Kỳ  | 3,500         |                                |
| 3        | Khu nhà tưởng niệm đ/c Phan Đăng Lưu tại xã Hoa Thành; Nâng cấp khu công viên trung tâm và XD tượng đài đ/c Phan đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, h Yên Thành (gđ 1) | UBND huyện Yên Thành   | 1,000         | Đối ứng Chương trình Chính phủ |
| 4        | Đền thờ các liệt sỹ tại KDT Đài tưởng niệm 72 chiến sỹ cộng sản 1930-1931 ở xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành   | UBND huyện Yên Thành   | 1,000         | Đối ứng Chương trình Chính phủ |
| 5        | Bảo tồn và phát huy giá trị Di tích Xô Viết Nghệ Tĩnh  | UBND huyện Hưng Nguyên                                       | 1,000         | Đối ứng Chương trình Chính phủ |
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>  |  | <b>22,490</b> |                                |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |  | <b>22,490</b> |                                |
| 1        | Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hoá - thông tin - thể thao đạt chuẩn quốc gia  | Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch                              | 8,000         |                                |
| 2        | Cải tạo nhà học và các phòng chức năng của trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao  | Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch                              | 790           | Kết thúc 2017                  |
| 3        | Mở rộng, cải tạo trụ sở làm việc và sửa chữa đường trục chính, sân nhà gỗ Bác Hồ, hệ thống khung cửa trạm cảnh sát bảo vệ mục tiêu                                   | Khu di tích Kim Liên   | 1,600         | Kết thúc 2017                  |
| 4        | Cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc và nhà ăn, nhà lưu trú cho diễn viên đoàn ca múa dân tộc Nghệ An  | Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch                              | 1,100         |                                |

| TT       | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư                          | Kế hoạch 2017 | Ghi chú       |
|----------|---|-------------------------------------|---------------|---------------|
| 5        | Trung bày nội, ngoại thất Bảo tàng Nghệ An  | Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch     | 1,500         |               |
| 6        | Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa quốc gia đền thờ Trưng Nguyên Bạch Liêu                  | Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch     | 900           | Kết thúc 2017 |
| 7        | Tu bổ, tôn tạo đình Lương Sơn   | Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch     | 1,300         |               |
| 8        | Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Ulianop - LB Nga                                   | Sở Ngoại vụ                         | 5,000         |               |
| 9        | Cải tạo, nâng cấp nhà thi đấu đa chức năng tỉnh Nghệ An   | Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch     | 1,300         |               |
| 10       | Tu bổ, tôn tạo nhà thờ gia tộc đại tôn họ Hoàng Xuân tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn             | Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch     | 1,000         |               |
| <b>M</b> | <b>QUỐC PHÒNG AN NINH</b>   |                                     | <b>19,943</b> |               |
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>   |                                     | <b>19,943</b> |               |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>  |                                     | <b>7,243</b>  |               |
| 1        | Doanh trại công an tân kỳ   | Công an tỉnh Nghệ An                | 1,343         | Kết thúc 2017 |
| 2        | Nhà xuồng, nhà kho thiết bị phòng chống bão lụt, cứu hộ cứu nạn                                 | Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh             | 1,400         | Kết thúc 2017 |
| 3        | Doanh trại công an huyện Diễn châu  | Công an tỉnh Nghệ An                | 2,000         |               |
| 4        | Nhà ở bộ đội và công trình phụ trợ BCH QS huyện Quỳnh Hợp                                       | Ban chỉ huy quân sự huyện Quỳnh Hợp | 1,500         |               |
| 5        | Nhà ở cán bộ chiến sỹ BCHQS huyện Kỳ Sơn  | Ban chỉ huy quân sự huyện Kỳ Sơn    | 1,000         |               |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |                                     | <b>8,700</b>  |               |
| 1        | Nhà ở cán bộ, chiến sỹ, nhà ăn, công và hàng rào mặt trước trụ sở công an huyện Quỳnh Lưu       | Công an tỉnh Nghệ An                | 1,000         |               |
| 2        | Trụ nước và bên lấy nước phục vụ PCCC trên địa bàn TP Vinh                                      | Công an tỉnh Nghệ An                | 1,500         |               |
| 3        | Nâng cấp cơ sở doanh trại Công an huyện Con Cuông   | Công an tỉnh Nghệ An                | 2,000         |               |
| 4        | Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc Công an tỉnh Nghệ An                          | Công an tỉnh Nghệ An                | 2,200         |               |
| 5        | Trụ sở làm việc của Phòng cảnh sát PC&CC số 6 tỉnh Nghệ An                                      | Cảnh sát phòng cháy chữa cháy       | 2,000         |               |
| <b>c</b> | <b>Công trình khởi công mới 2017</b>  |                                     | <b>4,000</b>  |               |
| 1        | Trụ sở làm việc phòng quản lý xuất nhập cảnh  | Công an tỉnh Nghệ An                | 1,000         |               |
| 2        | Xây dựng nhà làm việc bộ phận một cửa, tiếp dân, làm CMND và thường trực chiến đấu cảnh sát 113 | Công an tỉnh Nghệ An                | 3,000         |               |
| <b>N</b> | <b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>   |                                     | <b>47,473</b> |               |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |                                     | <b>21,493</b> |               |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>  |                                     | <b>650</b>    |               |
| 1        | Cải tạo nhà làm việc 3 tầng huyện ủy Quế Phong  | Huyện ủy Quế Phong                  | 350           | Kết thúc 2017 |
| 2        | Nhà khách huyện ủy Quế Phong  | Huyện ủy Quế Phong                  | 300           | Kết thúc 2017 |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |                                     | <b>9,137</b>  |               |
| 1        | Trụ sở làm việc HĐND và UBND thị xã Hoàng Mai.  | UBND Thị xã Hoàng Mai               | 2,000         | Kết thúc 2017 |
| 2        | Trụ sở làm việc Thị ủy và các đoàn thể thị xã Hoàng Mai   | Thị ủy Hoàng Mai                    | 1,000         | Kết thúc 2017 |
| 3        | Mở rộng, nâng cấp Trung tâm giao dịch 1 cửa huyện Nghi Lộc                                      | UBND huyện Nghi Lộc                 | 690           | Kết thúc 2017 |
| 4        | Trụ sở làm việc huyện ủy Tương Dương  | Huyện ủy Tương Dương                | 2,500         | Kết thúc 2017 |
| 5        | Nhà làm việc và hội trường huyện ủy Tân Kỳ  | Huyện ủy Tân Kỳ                     | 1,000         | Kết thúc 2017 |
| 6        | Nhà làm việc UBMTTQ và đoàn thể huyện Anh Sơn   | UBND huyện Anh Sơn                  | 1,947         | Kết thúc 2017 |

| TT       | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư                                | Kế hoạch 2017 | Ghi chú       |
|----------|---|---|---------------|---------------|
| <b>c</b> | <b>Công trình khởi công mới 2017</b>  |   | <b>11,706</b> |               |
| 1        | Nhà công vụ huyện ủy Kỳ Sơn   | Huyện ủy Kỳ Sơn                           | 3,206         |               |
| 2        | Nhà công vụ huyện ủy Quỳnh Hợp  | Huyện ủy Quỳnh Hợp                        | 1,500         |               |
| 3        | Cải tạo, mở rộng nhà làm việc 3 tầng trụ sở HĐND-UBND huyện Quế Phong                 | UBND huyện Quế Phong                      | 3,000         |               |
| 4        | Trụ sở làm việc cơ quan HĐND-UBND huyện Tương Dương                                   | UBND huyện Tương Dương                    | 4,000         |               |
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>   |   | <b>25,980</b> |               |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>  |   | <b>12,045</b> |               |
| 1        | Trụ sở UBND tỉnh  | Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An               | 10,000        |               |
| 2        | Trụ sở cơ quan Mặt trận tổ quốc   | Ủy ban MTTQ VN tỉnh Nghệ An               | 76            | Kết thúc 2017 |
| 3        | Cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh và XH                       | Sở Lao động- Thương binh và Xã hội        | 511           |               |
| 4        | Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 2 tầng - Sở Giáo dục và Đào tạo                        | Sở Giáo dục và Đào tạo                    | 558           | Kết thúc 2017 |
| 5        | Mở rộng, cải tạo Nhà làm việc Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An                                | Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An                  | 900           | Kết thúc 2017 |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |   | <b>13,935</b> |               |
| 1        | Nhà khách Tỉnh ủy Nghệ An   | Văn phòng Tỉnh ủy                         | 3,300         | Kết thúc 2017 |
| 2        | Nhà làm việc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An                                | Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An | 3,000         |               |
| 3        | Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc sở Công thương                                       | Sở Công thương                            | 2,500         |               |
| 4        | Cải tạo mở rộng trụ sở làm việc sở Tư pháp  | Sở Tư pháp                                | 3,000         |               |
| 5        | Cải tạo, nâng cấp và mở rộng trụ sở làm việc Sở Văn hóa, thể thao và du lịch          | Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch           | 2,135         |               |
| <b>O</b> | <b>CỤM CÔNG NGHIỆP</b>  |   | <b>4,000</b>  |               |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |   | <b>4,000</b>  |               |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |   | <b>1,500</b>  |               |
| 1        | Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành                  | UBND huyện Yên Thành                      | 1,500         |               |
| <b>c</b> | <b>Công trình khởi công mới 2017</b>  |   | <b>2,500</b>  |               |
| 1        | Đường GT vào cụm công nghiệp Thượng Sơn, huyện Đô Lương                               | UBND huyện Đô Lương                       | 2,500         |               |
| <b>P</b> | <b>HẠ TẦNG LÀNG NGHỀ</b>  |   | <b>5,950</b>  |               |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>  |   | <b>5,950</b>  |               |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>   |   | <b>5,950</b>  |               |
| 1        | Đường giao thông làng nghề sản xuất mộc Minh Tâm, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu      | UBND xã Quỳnh Minh                        | 1,000         |               |
| 2        | Đường làng nghề sản xuất miến Phú Thành xã Quỳnh Hậu huyện Quỳnh Lưu                  | UBND xã Quỳnh Hậu                         | 1,550         | Kết thúc 2017 |
| 3        | XD cơ sở hạ tầng làng nghề mộc Dinh Chu, xã Thanh Tường huyện Thanh Chương            | UBND xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương   | 1,000         | Kết thúc 2017 |
| 4        | Đường GT làng nghề bán Đan xã Tiên phong và bán Cỏ Nong xã Mường Nọc, huyện Quế Phong | UBND huyện Quế Phong                      | 2,000         | Kết thúc 2017 |
| 5        | Hạ tầng làng nghề Bánh, bún Vĩnh Hoà, xã Hợp Thành, Yên Thành                         | UBND xã Hợp Thành                         | 400           | Kết thúc 2017 |
| <b>Q</b> | <b>HẠ TẦNG CÁC XÃ BIÊN GIỚI</b>   |   | <b>18,900</b> |               |
| 1        | Huyện Anh Sơn - 1 xã biên giới  |   | 700           |               |
| 2        | Huyện Con Cuông - 2 xã biên giới  |   | 1,400         |               |
| 3        | Huyện Kỳ Sơn - 11 xã biên giới  |   | 7,700         |               |
| 4        | Huyện Quế phong - 4 xã biên giới  |   | 2,800         |               |
| 5        | Huyện Thanh Chương - 5 xã biên giới   |   | 3,500         |               |
| 6        | Huyện Tương Dương - 4 xã biên giới  |   | 2,800         |               |

| TT       | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư  | Kế hoạch 2017 | Ghi chú       |
|----------|--|---|---------------|---------------|
| <b>T</b> | <b>ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA</b>   |   | <b>45,615</b> |               |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>   |   | <b>27,015</b> |               |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>   |   | <b>4,015</b>  |               |
| 1        | Đường giao thông liên xã Hội Sơn-Hoa Sơn-Tường Sơn, huyện Anh Sơn. (Trong đó KH 2017 thanh toán Đoạn Km0+00 - Km 4+386.39: 1 tỷ)   | UBND huyện Anh Sơn  | 2,015         | Kết thúc 2017 |
| 2        | Đường giao thông nguyên liệu chè công nghiệp từ xã Đức Sơn đi xã Bình Sơn  | UBND huyện Anh Sơn  | 500           |               |
| 3        | Đường giao thông Tà Cạ - Hữu Kiệm ( SPL V)   | UBND huyện Kỳ Sơn   | 1,500         |               |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |   | <b>23,000</b> |               |
| 1        | Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Cửa Lò giai đoạn I   | UBND thị xã Cửa Lò  | 6,000         |               |
| 2        | Khôi phục vùng ngập lũ tỉnh Nghệ An  | UBND huyện Nam Đàn  | 5,000         |               |
| 3        | Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Thái Hòa   | UBND thị xã Thái Hoà  | 2,000         |               |
| 4        | Phát triển đô thị loại vừa tại Việt Nam - Tiểu dự thành phố Vinh   | UBND thành phố Vinh   | 10,000        |               |
|          | <b>Ngành quản lý trên địa bàn</b>  |   | <b>18,600</b> |               |
| <b>a</b> | <b>Công trình trả nợ</b>   |   | <b>3,300</b>  |               |
| 1        | Phát triển nông thôn tổng hợp miền Trung   | Sở Nông nghiệp và PTNT                                      | 800           |               |
| 2        | Nhà làm việc và khoa chuyên môn, thiết bị của các trung tâm y tế huyện: Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Nghĩa Đàn và Quỳnh Châu thuộc dự án Hỗ trợ y tế Bắc Trung Bộ tỉnh Nghệ An  | Sở Y tế   | 2,000         |               |
| 3        | Dự án khắc phục hậu quả thiên tai 2005   | Sở Nông nghiệp và PTNT                                      | 500           |               |
| <b>b</b> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |   | <b>14,300</b> |               |
| 1        | Dự án Hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh và khu công nghiệp Nam Cẩm   | Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An                           | 2,000         | Thanh toán nợ |
| 2        | Xây dựng Công trình: Nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam-Hàn Quốc giai đoạn III  | Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam-Hàn Quốc | 3,000         |               |
| 3        | Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung và vệ sinh môi trường liên xã Long Thành, Khánh Thành, Vĩnh Thành và Trung Thành, huyện Yên Thành  | Sở Nông nghiệp và PTNT                                      | 800           |               |
| 4        | Khôi phục nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An   | Sở Nông nghiệp và PTNT                                      | 3,000         |               |
| 5        | Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện vay vốn WB - Nghệ An  | Sở Y tế   | 2,000         |               |
| 5.1      | Quản lý chất thải y tế bệnh viện Lao và bệnh phổi Nghệ An; Quản lý chất thải y tế bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam  | Sở Y tế   | 500           |               |
| 5.2      | Đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý chất thải các Bệnh viện: BV Hữu nghị đa khoa Nghệ An; BV Đa khoa huyện Diễn Châu; BV Đa khoa huyện Đô Lương; BV Lao và bệnh phổi Nghệ An; BV Đa khoa khu vực Tây Bắc Nghệ An; BV Đa khoa huyện Quỳnh Lưu; BV Đa khoa huyện Thanh Chương; BV Đa khoa huyện Yên Thành | Sở Y tế   | 1,500         |               |
| 6        | Hợp phần 4, dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz) WB 5: Đầu tư giảm nhẹ rủi ro thiên tai (9 Tiểu dự án)   | Sở Nông nghiệp và PTNT                                      | 2,000         |               |
| 7        | Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Nghệ An, gồm 13 Tiểu dự án   | Sở Nông nghiệp và PTNT                                      | 1,000         |               |



| TT       | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư                     | Kế hoạch 2017 | Ghi chú       |
|----------|--|--------------------------------|---------------|---------------|
| 8        | Đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải cho các bệnh viện: Bệnh viện đa khoa huyện Tân Kỳ, Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương, bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu và Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc, thuộc dự án tăng cường hệ thống y tế tỉnh Nghệ An sử dụng vốn ODA của CHLB Đức | Sở Y tế                        | 500           |               |
| <i>c</i> | <b>Công trình bố trí chuẩn bị đầu tư năm 2017</b>  |                                | <b>1,000</b>  |               |
| 1        | Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị (Hợp phần tỉnh Nghệ An)   | Sở Kế hoạch và Đầu tư          | 1,000         |               |
| <b>V</b> | <b>HẠ TẦNG CHỢ NÔNG THÔN</b>   |                                | <b>2,525</b>  |               |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>   |                                | <b>2,525</b>  |               |
| <i>b</i> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |                                | <b>2,525</b>  |               |
| 1        | Chợ trung tâm xã Đức Sơn   | UBND xã Đức Sơn                | 1,200         | Kết thúc 2017 |
| 2        | Xây dựng chợ nông thôn xã Châu Lý huyện Quỳnh Hợp  | UBND xã Châu Lý                | 825           | Kết thúc 2017 |
| 3        | Chợ Cầu Đất, xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn   | UBND xã Thành Sơn              | 500           | Kết thúc 2017 |
| <b>X</b> | <b>TRỤ SỞ XÃ</b>   |                                | <b>18,767</b> |               |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>   |                                | <b>18,767</b> |               |
| <i>b</i> | <b>Công trình chuyển tiếp</b>  |                                | <b>11,000</b> |               |
| 1        | Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu  | UBND xã Diễn Hoa               | 400           | Kết thúc 2017 |
| 2        | Trụ sở làm việc UBND xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu   | UBND xã Diễn Xuân              | 500           | Kết thúc 2017 |
| 3        | Trụ sở UBND xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu  | UBND xã Diễn Nguyên            | 700           | Kết thúc 2017 |
| 4        | Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND- UBND xã Hưng Xuân- Hưng Nguyên   | UBND xã Hưng Xuân              | 1,200         | Kết thúc 2017 |
| 5        | Trụ sở UBND xã Nghĩa Thọ, huyện Nghĩa Đàn  | UBND huyện Nghĩa Đàn           | 210           | Kết thúc 2017 |
| 6        | Trụ sở UBND xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu  | UBND huyện Quỳnh Châu          | 1,000         |               |
| 7        | Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND-UBND và Hội trường kiêm nhà văn hóa xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu   | UBND xã Quỳnh Long             | 1,000         |               |
| 8        | Trụ sở UBND xã Tam Thái, Tương Dương   | UBND huyện Tương Dương         | 500           | Kết thúc 2017 |
| 9        | Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ   | UBND xã Nghĩa Phúc             | 990           | Kết thúc 2017 |
| 10       | Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND- UBND xã Tân Xuân, huyện Tân Kỳ   | UBND xã Tân Xuân, huyện Tân Kỳ | 500           |               |
| 11       | Nhà làm việc 3 tầng Đảng ủy - HDND-UBND xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương  | UBND xã Ngọc Sơn               | 1,000         |               |
| 12       | Trụ sở UBND xã Bảo Thắng, huyện Kỳ Sơn   | UBND huyện Kỳ Sơn              | 2,500         |               |
| 13       | Trụ sở UBND xã Thanh Yên, huyện Thanh Chương   | UBND xã Thanh Yên              | 500           | Kết thúc 2017 |
| <i>c</i> | <b>Công trình khởi công mới 2017</b>   |                                | <b>7,767</b>  |               |
| 1        | Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn  | UBND huyện Kỳ Sơn              | 3,000         |               |
| 2        | Trụ sở UBND xã Bài Sơn, huyện Đô Lương   | UBND huyện Đô Lương            | 1,000         |               |
| 3        | Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND-UBND xã Nam Tân, huyện Nam Đàn  | UBND xã Nam Tân                | 1,767         |               |
| 4        | Trụ sở Đảng ủy, HDND-UBND xã Hưng Yên Nam  | UBND xã Hưng Yên Nam           | 2,000         |               |
| <b>Y</b> | <b>TRẠM Y TẾ XÃ</b>  |                                | <b>4,925</b>  |               |
|          | <b>Huyện trực tiếp quản lý</b>   |                                | <b>4,925</b>  |               |
| <i>a</i> | <b>Công trình trả nợ</b>   |                                | <b>925</b>    |               |
| 1        | Trạm y tế xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu   | UBND xã An Hòa                 | 925           | Kết thúc 2017 |

| TT       | Danh mục dự án                             | Chủ đầu tư             | Kế hoạch 2017 | Ghi chú       |
|----------|--|------------------------|---------------|---------------|
| <i>b</i> | <i>Công trình chuyển tiếp</i>              |                        | <b>4,000</b>  |               |
| 1        | Trạm y tế xã Mỹ Sơn                        | UBND xã Mỹ Sơn         | 1,000         | Kết thúc 2017 |
| 2        | Trạm y tế phường Quang Tiến                | UBND phường Quang Tiến | 1,000         |               |
| 3        | Trạm y tế xã Nghĩa Thọ, huyện Nghĩa Đàn    | UBND huyện Nghĩa Đàn   | 1,500         |               |
| 4        | Trạm y tế xã Giang Sơn Tây, huyện Đô Lương | UBND xã Giang Sơn Tây  | 500           | Kết thúc 2017 |

